

CÔNG TY CỔ PHẦN INVICO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN INVICO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INVICO VIET NAM JOINT STOCK
COPMAY

Tên công ty viết tắt: INVICO VN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107870729

3. Ngày thành lập: 01/06/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 33 Lý Thường Kiệt, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam

Điện thoại: 0466753638

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100
2.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng đường hầm;	4290
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.	4511
4.	Trồng cây hàng năm khác	0119
5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
6.	In ấn	1811
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
9.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
10.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
11.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
12.	Dịch vụ đóng gói	8292
13.	Khai thác gỗ	0221
14.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
15.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
16.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
17.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710

19.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế, + Xử lý chống gỉ, + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.	4520
20.	Bán mô tô, xe máy	4541
21.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
22.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa	8299
26.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nhóm này bao gồm: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6329
28.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
29.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
30.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
31.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
32.	Khai thác và thu gom than cứng	0510

33.	Khai thác và thu gom than non	0520
34.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
36.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
37.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
38.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
40.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Tái chế phế liệu	3830
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Xuất bản phần mềm	5820
45.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
46.	Lập trình máy vi tính	6201
47.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
50.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
51.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
52.	Sản xuất rượu vang	1102
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
54.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

55.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt;	4390
56.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
57.	Đại lý du lịch	7911
58.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
59.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
61.	Hoạt động chiếu phim	5914
62.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
63.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Điều hành tua du lịch	7912
67.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

68.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Bán lẻ ô tô con, loại 12 chỗ ngồi trở xuống không kể người lái, loại mới và loại đã qua sử dụng:	4512
69.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
71.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
72.	Bán buôn đồ uống	4633
73.	Hoạt động hậu kỳ	5912
74.	Quảng cáo	7310
75.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; - Hoạt động khoan thử và đào thử.	0990
77.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
78.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xút; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079

79.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
80.	Bán buôn gạo	4631
81.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
82.	Phá dỡ	4311
83.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
84.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
85.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
86.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
87.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
88.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
89.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
90.	Xây dựng công trình công ích	4220
91.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
92.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
94.	Sao chép bản ghi các loại	1820
95.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,...	0222
96.	Sản xuất giống thủy sản	0323
97.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bán buôn xi măng	4663
98.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
99.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
100.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
101.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
102.	Bốc xếp hàng hóa	5224

103.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc láo chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác	4719
104.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
105.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
106.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
107.	Khai thác thủy sản biển	0311
108.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
109.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
110.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
111.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
112.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	4791
113.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
114.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
115.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
116.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
117.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
118.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
119.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
120.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
121.	Bán buôn tổng hợp	4690
122.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634

123.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
124.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
125.	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN MINH TỈNH	P1807 CT1A đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	030083000210	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
2	TRẦN THỊ TÚ	Phòng 606 tòa nhà H2A, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	012863904	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
3	TRẦN VĂN HÙNG	P403-C17 Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	90,000	013475476	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	90,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH TỈNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030083000210

Ngày cấp: 29/01/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1807 CT1A đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1807 CT1A đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội